







NĂM HỌC 2027

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

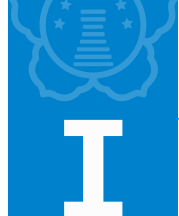
Mục lục

I Thông tin tuyển sinh

1	Thông tin tuyển sinh	01
2	Lịch trình tuyển sinh	01
3	Khối ngành tuyển sinh	02
4	Điều kiện ứng tuyển	07
5	Phương thức ứng tuyển	11
6	Hồ sơ ứng tuyển	13
7	Lệ phí xét tuyển	15
8	Lưu ý dành cho thí sinh	16
9	Học bổng	17
10	Học phí mỗi kì	18
11	Phí kí túc xá	19
12	Giải đáp thắc mắc và địa chỉ nộp hồ sơ	19

II Phụ lục

1	Bài thi thực hành của Trường đại học Nghệ thuật	20
2	Xác nhận Apostille	21
3	Giấy xác nhận thông tin trường trung cấp nghề tại Trung Quốc	22
4	Địa chỉ website và số điện thoại của từng khoa	23



THÔNG TIN TUYỂN SINH

1 Quy trình xét tuyển



2 Lịch trình tuyển sinh

Nội dung	Lịch trình triển khai		Ghi chú
	Học kì 1 năm học 2027	Học kì 2 năm học 2027	
Nộp đơn đăng ký *Tải lên hồ sơ trực tuyến	Từ 09:00, 12. 10. 2026 (Hai) ~ Đến 18:00, 30. 10 (Sáu)	Từ 09:00, 12. 4. 2027 (Hai) ~ Đến 18:00, 30. 4 (Sáu)	Uway Apply
Xét duyệt hồ sơ	7. 11. 2026 (Hai) ~ 16. 11 (Hai)	4. 5. 2027 (Ba) ~ 17. 5 (Hai)	Thông báo riêng cho thí sinh không đủ điều kiện
Phòng vấn vấn đáp	18. 11. 2026 (Tư) ~ 27. 11 (Sáu)	19. 5. 2027 (Tư) ~ 28. 5 (Sáu)	Phòng hợp tác quốc tế phụ trách ※ Đại học Nghệ Thuật: do khoa phụ trách
Bổ sung kết quả TOPIK	(PBT kì 108, IBT kì 15/16) Đến 13:00, 21. 12. 2026 (Hai)	Giữa tháng 6 năm 2027 (Kì thi được công nhận và thời hạn nộp sẽ được thông báo sau trên website)	Áp dụng cho thí sinh nộp kèm phiếu dự thi TOPIK lúc nộp hồ sơ (Chỉ nộp kết quả cao nhất)
Nộp hồ sơ chứng minh tài chính	Đến 18. 12. 2026 (Sáu)	Đến 18. 6. 2027 (Sáu)	Thí sinh đã đỗ phỏng vấn (Nộp qua mail hoặc nộp trực tiếp)
Hội đồng tuyển sinh xét duyệt	Đến 24. 12. 2026 (Năm)	Đến 24. 6. 2027 (Năm)	
Thông báo trúng tuyển	Dự kiến 6. 1. 2027 (Tư)	Dự kiến 7. 7. 2027 (Tư)	Thông báo riêng qua mail
Đóng học phí	Giữa tháng 1. 2027	Giữa tháng 7. 2027	Lịch trình dự kiến thông báo sau
★Nộp hồ sơ bản gốc	Đến 19. 2. 2027 (Sáu)	Đến 20. 8. 2027 (Sáu)	★1)Giấy chứng nhận tốt nghiệp chính thức, 2)Bảng điểm cấp 3, 3)Hồ sơ chứng minh quan hệ gia đình, 4)Hồ sơ chứng minh tài chính
	• Nếu không nộp đúng thời hạn, kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy • Trường hợp gửi qua đường bưu điện, chỉ công nhận những hồ sơ đã đến Phòng Hợp tác quốc tế trước thời hạn quy định		
Cấp giấy báo nhập học	Từ giữa tháng 1. 2027	Từ giữa tháng 7. 2027	Phòng Hợp tác quốc tế
	• Dự kiến gửi qua email sau khi xác nhận đã đóng học phí và nộp đầy đủ hồ sơ bản gốc (★1,2,3,4) • Thí sinh cần xin cấp visa phải cân nhắc thời gian xử lý hồ sơ và nộp hồ sơ bản gốc sớm • Có thể đến nhận trực tiếp, trường hợp muốn nhận qua đường bưu điện phải đăng ký riêng		

※ Lịch trình nêu trên có thể thay đổi tùy theo tình hình của nhà trường

3 Khối ngành tuyển sinh (chỉ tiêu: giới hạn theo từng khoa)

※ Có thể đăng kí đồng thời giữa Tuyển sinh diện I (Các khối ngành tuyển sinh) vàTuyển sinh diện II (Khoa tự do toàn cầu)

1. Tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài I

- Khối ngành tuyển sinh: Tất cả các khối ngành tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài (Ngoại trừ khoa Tự do toàn cầu)

Cơ sở Daegu (Mới nhập học)

Khối ngành	Khoa tuyển sinh mới nhập học	Học kì 1	Học kì 2
Nhân văn	Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Anh	O	O
	Sử học	O	O
	Triết học	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Pháp	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Đức	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Trung Quốc	O	O
	Khảo cổ và nhân học	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Nhật Bản	O	O
	Hán văn	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Nga	O	O
Khoa học xã hội	Chính trị ngoại giao	O	O
	Xã hội học	O	O
	Địa lí học	O	O
	Thông tin thư viện	O	O
	Tâm lí học	O	O
	Phúc lợi xã hội	O	O
	Truyền thông đa phương tiện	O	O
Khoa học tự nhiên	Toán học	O	O
	Vật lí học	O	O
	Hóa học	O	O
	Sinh học	O	O
	Công nghệ sinh học	O	O
	Thống kê	O	O
	Hệ thống địa cầu	O	O
Kinh tế & Kinh doanh	Quản trị kinh doanh	O	O
	Kinh tế thương mại	O	O
Kỹ thuật	Kỹ thuật vật liệu kim loại	O	O
	Kỹ thuật vật liệu mới	O	O
	Kỹ thuật cơ khí	O	O
	Khoa kiến trúc (chuyên ngành Kiến trúc học)	O	O
	Khoa kiến trúc (chuyên ngành Kỹ thuật kiến trúc)	O	O
	Kỹ thuật xây dựng	O	O
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng	O	O
	Kỹ thuật vật liệu phân tử cao	O	O
	Kỹ thuật hệ thống dệt may	O	O
	Kỹ thuật môi trường	O	O
	Kỹ thuật năng lượng	O	O
IT	Kỹ thuật điện tử	O	O
	Kỹ thuật điện tử (chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo)	O	O
	Kỹ thuật điện	O	O

Khối ngành	Khoa tuyển sinh mới nhập học	Học kì 1	Học kì 2
Khoa học nông nghiệp & Đời sống	Khoa sinh học ứng dụng	O	O
	Bảo vệ thực vật	O	O
	Công nghệ thực phẩm	O	O
	Khoa học lâm nghiệp và cảnh quan	O	O
	Kỹ thuật làm vườn	O	O
	Kỹ thuật vật liệu sợi sinh học	O	O
	Kỹ thuật xây dựng nông nghiệp	O	O
	Kỹ thuật cơ khí sinh học thông minh	O	O
	Kinh tế tài nguyên thực phẩm	O	O
Nghệ thuật	Âm nhạc	O	X
	Âm nhạc truyền thống Hàn Quốc	O	O
	Mỹ thuật	O	X
	Thiết kế	O	X
Sử phạm	Sử phạm lịch sử	O	O
Khoa học đời sống	Giáo dục trẻ em	O	O
	May mặc	O	O
	Dinh dưỡng thực phẩm	O	O
AI	Hệ thống trí tuệ nhân tạo	O	O
	Khoa Máy tính (chuyên ngành Máy tính chuyên sâu)	O	O
Hành chính	Khoa Hành chính	O	O

Cơ sở Daegu (Chuyển tiếp)

Khối ngành	Khoa tuyển sinh chuyển tiếp	Học kì 1	Học kì 2
Nhân văn	Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Anh	O	O
	Sử học	O	O
	Triết học	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Pháp	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Đức	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Trung Quốc	O	O
	Khảo cổ và nhân học	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Nhật Bản	O	O
	Hán văn	O	O
	Ngôn ngữ và văn học Nga	O	O
Khoa học xã hội	Chính trị ngoại giao	O	O
	Xã hội học	O	O
	Địa lí học	O	O
	Thông tin thư viện	O	O
	Tâm lí học	O	O
	Phúc lợi xã hội	O	O
	Truyền thông đa phương tiện	O	O

Khối ngành	Khoa tuyển sinh chuyển tiếp	Học kì 1	Học kì 2
Khoa học tự nhiên	Toán học	O	O
	Vật lí học	O	O
	Hóa học	O	O
	Sinh học	O	O
	Công nghệ sinh học	O	O
	Thống kê	O	O
	Hệ thống địa cầu (chuyên ngành Địa chất học)	O	O
	Hệ thống địa cầu (chuyên ngành Thiên văn khí quyển học)	O	O
	Hệ thống địa cầu (chuyên ngành Hải dương học)	O	O
Kinh tế & Kinh doanh	Kinh tế thương mại	O	O
Kỹ thuật	Kỹ thuật vật liệu kim loại	O	O
	Kỹ thuật vật liệu mới	O	O
	Kỹ thuật cơ khí	O	O
	Khoa kiến trúc (chuyên ngành Kiến trúc học)	O	O
	Khoa kiến trúc (chuyên ngành Kỹ thuật kiến trúc)	O	O
	Kỹ thuật xây dựng	O	O
	Khoa hóa học ứng dụng	O	O
	Kỹ thuật hóa học	O	O
	Kỹ thuật vật liệu phân tử cao	O	O
	Kỹ thuật hệ thống dệt may	O	O
	Kỹ thuật môi trường	O	O
	Kỹ thuật năng lượng	O	O
	Kỹ thuật điện tử	O	O
	Kỹ thuật điện tử (chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo)	O	O
IT	Kỹ thuật điện	O	O
Khoa học nông nghiệp & Đời sống	Khoa sinh học ứng dụng (chuyên ngành Khoa học sinh học thực vật, chuyên ngành Hóa học sinh học môi trường)	O	O
	Bảo vệ thực vật	O	O
	Công nghệ thực phẩm (chuyên ngành Công nghệ sinh học thực phẩm, chuyên ngành Kỹ thuật nguyên liệu thực phẩm, chuyên ngành Kỹ thuật ứng dụng thực phẩm)	O	O
	Khoa học lâm nghiệp và cảnh quan (chuyên ngành Lâm học)	O	O
	Khoa học lâm nghiệp và cảnh quan (chuyên ngành Kỹ thuật vật liệu lâm nghiệp)	O	O
	Khoa học lâm nghiệp và cảnh quan (chuyên ngành Cảnh quan)	O	O
	Kỹ thuật làm vườn	O	O
	Kỹ thuật vật liệu sợi sinh học	O	O
	Kỹ thuật xây dựng nông nghiệp	O	O
	Kỹ thuật cơ khí sinh học thông minh	O	O
	Kinh tế tài nguyên thực phẩm	O	O
		O	O
Nghệ thuật	Âm nhạc	O	X
	Âm nhạc truyền thống Hàn Quốc	O	O
	Mỹ thuật	O	X
Khoa học đời sống	Giáo dục trẻ em (chuyên ngành Trẻ em và gia đình)	O	O
	Giáo dục trẻ em (chuyên ngành Giáo dục trẻ em)	O	O
	May mặc	O	O
	Dinh dưỡng thực phẩm	O	O
AI	Khoa Máy tính (chuyên ngành Phần mềm nền tảng, chuyên ngành Khoa học dữ liệu)	O	O
	Khoa Máy tính (chuyên ngành máy tính và trí tuệ nhân tạo)	O	O
	Khoa Máy tính (chuyên ngành Phần mềm ứng dụng toàn cầu)	O	O
Hành chính	Khoa Hành chính	O	O

Cơ sở Sangju (Mới nhập học)

Khối ngành	Khoa tuyển sinh mới nhập học	Học kì 1	Học kì 2
Môi trường sinh thái	Tài nguyên thực vật	0	0
	Bảo tồn sinh thái rừng	0	0
	Khoa học sinh học côn trùng	0	0
	Du lịch	0	0
	Thể chất (chuyên ngành Thể chất học)	0	0
	Thể chất (chuyên ngành Quản lý sức khỏe vận động)	0	0
	Chăn nuôi	0	0
	Công nghệ sinh học động vật	0	0
	Ngựa/Động vật đặc thù	0	0
	Kỹ thuật xây dựng và phòng chống thiên tai	0	0
Khoa học kĩ thuật	Kỹ thuật an toàn môi trường	0	0
	Kỹ thuật cơ khí chính xác	0	0
	Kỹ thuật ô tô	0	0
	Kỹ thuật phần mềm	0	0
	Kỹ thuật vật liệu mới Nano	0	0
	Kỹ thuật hóa học năng lượng	0	0
	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ ăn uống	0	0
	Khoa thiết kế dệt may và thời trang (chuyên ngành Thiết kế thời trang)	0	0
	Khoa thiết kế dệt may và thời trang (chuyên ngành Kỹ thuật dệt may)	0	0
	Hệ thống thông tin định vị	0	0
	Kỹ thuật nhà máy thông minh	0	0

Cơ hử Sangju (Chuyển tiếp)

Khối ngành	Khoa tuyển sinh chuyển tiếp	Học kì 1	Học kì 2
Môi trường sinh thái	Tài nguyên thực vật	0	0
	Bảo tồn sinh thái rừng	0	0
	Khoa học sinh học côn trùng	0	0
	Du lịch	0	0
	Thể chất (chuyên ngành Thể chất học)	0	0
	Thể chất (chuyên ngành Quản lý sức khỏe vận động)	0	0
	Chăn nuôi	0	0
	Công nghệ sinh học động vật	0	0
	Ngựa/Động vật đặc thù	0	0
	Kỹ thuật xây dựng và phòng chống thiên tai	0	0
Khoa học kĩ thuật	Kỹ thuật an toàn môi trường	0	0
	Kỹ thuật cơ khí chính xác	0	0
	Kỹ thuật ô tô (chuyên ngành Ô tô thân thiện môi trường)	0	0
	Kỹ thuật Ô tô (chuyên ngành Ô tô thông minh)	0	0
	Kỹ thuật phần mềm	0	0
	Kỹ thuật vật liệu mới Nano	0	0
	Kỹ thuật hóa học năng lượng	0	0
	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ ăn uống	0	0
	Khoa thiết kế dệt may và thời trang (chuyên ngành Kỹ thuật dệt may)	0	0
	Khoa thiết kế dệt may và thời trang (chuyên ngành Thiết kế thời trang)	0	0
	Hệ thống thông tin định vị	0	0
	Kỹ thuật nhà máy thông minh	0	0

2. Tuyển sinh đặc biệt dành cho người nước ngoài II

- Khối ngành tuyển sinh: Khoa Tự do toàn cầu

Cơ sở Daegu (Chỉ tuyển sinh sinh viên mới nhập học)

Khối ngành	Khoa tuyển sinh mới nhập học	Học kì 1	Học kì 2
Tự do toàn cầu	Khoa Tự do toàn cầu	0	0

* Khoa Tự do toàn cầu (Division of Global Open Major)

- Giới thiệu khoa:** Trong năm nhất, sinh viên hoàn thành nhiều chương trình chính khóa và ngoại khóa như tiếng Hàn học thuật, các lớp khám phá chuyên ngành,... Sau đó, khi lên năm 2, sinh viên lựa chọn ngành mong muốn. ※ Từ năm 2, sinh viên sẽ chuyển sang ngành mà bản thân đã lựa chọn
- Ngôn ngữ giảng dạy :** Tiếng Hàn
- Lựa chọn ngành :** ① Hoàn thành 2 học kỳ và tích lũy từ 27 tín chỉ trở lên ② Đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Hàn (TOPIK hoặc TOPIK IBT) của khoa mà sinh viên mong muốn đăng ký (Thông tin chi tiết sẽ được hướng dẫn riêng khi sinh viên chuyển lên năm 2)
 - ※ Các khoa có thể lựa chọn và chỉ tiêu phân bổ của từng khoa sẽ được thông báo sau khi nhập học
 - ※ Trường hợp số lượng sinh viên đăng ký vượt quá chỉ tiêu của khoa, sinh viên sẽ được phân bổ lần lượt theo thứ tự từ nguyện vọng 1 đến nguyện vọng 5, căn cứ vào điểm trung bình (GPA) năm nhất và kết quả năng lực tiếng Hàn (TOPIK hoặc TOPIK IBT) (Đối với sinh viên chưa được phân khoa, trường khoa sẽ tư vấn riêng và sau khi xem xét thành tích học tập, sinh viên sẽ được phân vào khoa còn chỉ tiêu))

※ Ghi chú

- ① Phần lớn các môn học được giảng dạy bằng tiếng Hàn, một số môn được giảng dạy bằng tiếng Anh (liên hệ với khoa để xác nhận môn học có được giảng dạy bằng tiếng Anh hay không)
- ② Chuyên ngành Kiến trúc học thuộc Khoa kiến trúc là chương trình đào tạo 5 năm
- ③ Sinh viên nhập học vào Khoa Kỹ thuật xây dựng thuộc Khối ngành Kỹ thuật, Khoa Kỹ thuật xây dựng nông nghiệp và Khoa Kỹ thuật cơ khí sinh học thông minh thuộc khối ngành Khoa học Nông nghiệp & Đời sống bắt buộc phải hoàn thành chương trình Chứng nhận đào tạo kỹ thuật (ABEEK), trường hợp là sinh viên chuyển tiếp, tùy theo số tín chỉ được công nhận của trường đại học trước đó thời gian tốt nghiệp có thể kéo dài thêm từ 1 đến 2 học kỳ hoặc hơn
- ④ Khoa Thiết kế, khoa Mỹ thuật và khoa Âm nhạc thuộc khối ngành Nghệ thuật chỉ tuyển sinh học kỳ 1 (kì tháng 3)
- ⑤ Khoa Giáo dục lịch sử thuộc khối ngành Sư phạm chỉ tuyển sinh sinh viên mới nhập học trong phạm vi không quá 10% chỉ tiêu tuyển sinh theo 「Quy định về chỉ tiêu đào tạo của các cơ sở đào tạo giáo viên」 của Bộ Giáo dục.
- ⑥ Thí sinh trúng tuyển dự bị chỉ được đăng ký vào khoa mà mình đã trúng tuyển trước đó (trường hợp thay đổi khoa, kết quả trúng tuyển dự bị sẽ vô hiệu)

4 Điều kiện ứng tuyển

< Điều kiện về quốc tịch: Áp dụng chung cho tất cả thí sinh >

- Thí sinh là người nước ngoài có cả cha và mẹ đều là người nước ngoài (Điểm 67 khoản 1 điều 29 của Nghị định thi hành Luật Giáo dục Đại học)
- Được công nhận đủ điều kiện nếu thí sinh và cả cha mẹ đều đã có quốc tịch nước ngoài trước khi thí sinh bắt đầu chương trình giáo dục tương đương với chương trình trung học phổ thông của Hàn Quốc
- Không được đăng ký ứng tuyển nếu mang hai quốc tịch, trong đó có quốc tịch Hàn Quốc
- Quốc tịch được căn cứ dựa trên ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ

1. Mới nhập học (Cả Tuyển sinh diện I và Tuyển sinh diện II)

Thí sinh phải tốt nghiệp THPT và đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục tại cơ sở giáo dục trong hoặc ngoài Hàn Quốc tương đương với chương trình giáo dục tiểu học và trung học của Hàn Quốc [Học kỳ 1: bao gồm thí sinh dự kiến tốt nghiệp vào tháng 2. 2027, Học kỳ 2: bao gồm thí sinh dự kiến tốt nghiệp vào tháng 8. 2027]

※ Trong toàn bộ quá trình học tập, các hình thức như học tại nhà, học trực tuyến, giáo dục dành cho người trưởng thành, các kỳ thi kiểm định trình độ tương đương trong và ngoài Hàn Quốc,... không được công nhận là đã hoàn thành chương trình giáo dục tương ứng.

Việc hoàn thành bậc trung học phổ thông được công nhận theo quy định sau

※ Căn cứ điểm 9 khoản 1 điều 98 của Nghị định về Luật Giáo dục Tiểu học và Trung học (Công nhận trình độ học vấn tương đương với người tốt nghiệp trung học phổ thông)

Năm giáo dục			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Quy định của Hàn Quốc			Bậc Tiểu học						Bậc THCS			Bậc THPT			Bậc đại học			
Giáo dục nước ngoài	12	5-3-4-4 năm	5 năm				3 năm			4 năm				4 năm				
	13	6-4-3-3 năm	6 năm						4 năm				3 năm				3 năm	
	11	6-3-2-5 năm	6 năm						3 năm			2 năm*				5 năm		
	13	2-4-3-4-3 năm	2 năm		4 năm				3 năm			4 năm					3 năm	
	12	8-4-4 năm	8 năm								4 năm				4 năm			

- Chỉ công nhận trường hợp đã hoàn thành toàn bộ chương trình giáo dục bậc tiểu học – trung học nước ngoài tại một quốc gia nhất định
- Trường hợp học tại từ 2 quốc gia trở lên, chỉ được công nhận nếu đã hoàn thành chương trình giáo dục từ 12 năm trở lên. Chương trình 11 năm trở xuống không được công nhận, thí sinh phải học lại hoặc chuyển tiếp vào trường trung học phổ thông tại Hàn Quốc.
 - Tuy nhiên, đối với hệ giáo dục 11 năm, sẽ được công nhận là đã hoàn thành chương trình THPT nếu thí sinh đã hoàn thành 3 năm cuối của chương trình tiểu học và trung học tại cùng một quốc gia
 - Ngoài ra, trường hợp thời gian học chương trình giáo dục phổ thông bị thiếu do sự khác biệt về hệ thống năm học, khoảng thời gian còn thiếu có thể được công nhận nếu thí sinh đã hoàn thành một khoảng thời gian học tương ứng tại một trường đại học của quốc gia đó
- * Thời gian chênh lệch được tính dựa trên chênh lệch giữa tổng số năm học theo hệ thống giáo dục của quốc gia đó và chương trình 12 năm do Bộ Giáo dục Hàn Quốc quy định

Thời điểm xác định điều kiện tốt nghiệp THPT

- Căn cứ xác định là ngày trước ngày khai giảng của học kỳ mà thí sinh nhập học tại trường. Tuy nhiên, đối với những quốc gia có năm học và ngày khai giảng học kỳ bắt đầu muộn hơn Hàn Quốc 01 tháng (như Nhật Bản), ngoại lệ cho phép công nhận thời gian theo học tại trường nước ngoài tối đa 01 tháng nếu nằm trong khoảng thời gian dự kiến theo học

2. Chuyển tiếp (Chỉ áp dụng cho Tuyển sinh diện I)

Thí sinh đã tốt nghiệp trường cao đẳng hệ 2 năm hoặc 3 năm trong hoặc ngoài Hàn Quốc, hoặc đã hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành) ít nhất 2 năm (4 học kỳ) tại trường đại học hệ 4 năm và đã tích lũy từ 65 tín chỉ trở lên tại trường đại học trước đó

※ Những lưu ý khi đăng ký chuyển tiếp

- 1) Chỉ được đăng ký vào ngành giống hoặc tương đương với chuyên ngành đã học tại trường đại học trước đó
- 2) Trường hợp đã hoàn thành 2 năm tại trường đại học hệ 3 năm thì không được đăng ký chuyển tiếp
- 3) Thí sinh tốt nghiệp từ trường đại học không áp dụng hệ thống tín chỉ thì không đủ điều kiện đăng ký chuyển tiếp
- 4) Sinh viên đang theo học hoặc đang bảo lưu tại nhà trường vào thời điểm bắt đầu tiếp nhận hồ sơ không được đăng ký
- 5) Trong toàn bộ quá trình học trước đó, các hình thức như học tại nhà, học trực tuyến, giáo dục dành cho người trưởng thành, các kỳ thi kiểm định trình độ tương đương trong và ngoài Hàn Quốc,... không được công nhận là đã hoàn thành chương trình giáo dục tương ứng

3. Năng lực ngôn ngữ

A. Sinh viên chuyển tiếp:

- 1) Khoa truyền thông: Thí sinh phải nộp chứng chỉ TOPIK hoặc TOPIK IBT từ cấp 5 trở lên
- 2) Các khoa/ngành khác: Thí sinh phải nộp chứng chỉ TOPIK hoặc TOPIK IBT từ cấp 4 trở lên
 - ※ Có thể đăng ký dự tuyển bằng kết quả của kỳ thi TOPIK thuộc kỳ thi được nhà trường công nhận tại thời điểm đăng ký
 - [Các thí sinh đã nộp phiếu dự thi, phải nộp kết quả TOPIK cấp 4 trở lên đến **13:00 ngày 21. 12. 2026 (Thứ Hai)** đối với Học kì I / và đến giữa tháng **6. 2027** đối với Học kì II (lịch cụ thể sẽ được thông báo sau)]
 - ※ Riêng đối với Khoa Truyền thông, Khoa Kinh tế thương mại và Khoa Kỹ thuật cơ khí, chỉ công nhận kết quả năng lực ngôn ngữ đã nộp trước thời hạn kết thúc đăng ký hồ sơ (Không chấp nhận đăng ký bằng phiếu dự thi TOPIK)

B. Sinh viên mới nhập học

Tuyển sinh diện I (tất cả các khoa ngành, ngoại trừ Khoa Tự do toàn cầu)

- 1) Đối với 29 khoa dưới đây chỉ được đăng ký khi đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn năng lực ngôn ngữ quy định riêng của từng khoa

Khoa	Tiêu chuẩn năng lực ngôn ngữ
Thiết kế	Thí sinh đã hoàn thành từ cấp 3 trở lên của khóa tiếng Hàn tại cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc các trường đại học trong nước
Địa lí, Mỹ thuật, Giáo dục trẻ em, May mặc, Dinh dưỡng thực phẩm, Hành chính	TOPIK cấp 3 trở lên
Phần mềm	TOPIK cấp 3 trở lên hoặc đã hoàn thành từ cấp 3 trở lên của khóa tiếng Hàn tại cơ sở đào tạo tiếng Hàn trong nước
Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Ngôn ngữ và văn học Anh, Triết học, Hán văn, Ngôn ngữ và văn học Đức, Ngôn ngữ và văn học Pháp, Phúc lợi xã hội, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử (bao gồm chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo), Tâm lí học, Chính trị ngoại giao, Xã hội học, Vật lí, Sinh học, Khoa máy tính, Hệ thống trí tuệ nhân tạo	TOPIK cấp 4 trở lên
Quản trị kinh doanh, Kinh tế thương mại, Kỹ thuật cơ khí	TOPIK cấp 4 trở lên Chỉ công nhận kết quả năng lực ngôn ngữ đã nộp trước thời hạn kết thúc tiếp nhận hồ sơ (Không chấp nhận đăng ký bằng phiếu dự thi TOPIK)
Truyền thông đa phương tiện	TOPIK cấp 5 trở lên Chỉ công nhận kết quả năng lực ngôn ngữ đã nộp trước thời hạn kết thúc tiếp nhận hồ sơ (không được đăng ký bằng phiếu dự thi TOPIK)

※ Trong quá trình xác minh tính chân thực của kết quả năng lực ngôn ngữ, nếu phát hiện bảng điểm bị làm giả hoặc chỉnh sửa, nhà trường sẽ hủy tư cách nhập học

- 2) Đối với trường hợp đăng kí ngoài 29 khoa nêu trên, phải đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện về năng lực ngôn ngữ dưới đây

① Có TOPIK hoặc TOPIK IBT từ cấp 3 trở lên

※ Tại thời điểm đăng ký, có thể đăng ký bằng phiếu dự thi TOPIK thuộc kì thi được nhà trường công nhận [Các thí sinh đã nộp phiếu dự thi, phải nộp kết quả TOPIK cấp 4 trở lên đến 13:00 ngày 21. 12. 2026 (Thứ Hai) đối với Học kì I / và đến giữa tháng 6. 2027 đối với Học kì II (lịch cụ thể sẽ được thông báo sau)]

② Người đã hoàn thành từ cấp 3 trở lên của khóa tiếng Hàn tại cơ sở đào tạo tiếng Hàn trực thuộc các trường đại học trong nước

※ Chỉ áp dụng đối với thí sinh đã hoàn thành khóa học trước thời hạn kết thúc tiếp nhận hồ sơ [Tuy nhiên, đối với thí sinh đang theo học khóa tiếng Hàn tại ĐHQG Kyungpook nếu hoàn thành từ cấp 3 trở lên trước 13.11.2026 (thứ Sáu) cho học kì I / và trước 14.5.2027 (thứ Sáu) cho học kì II, thì vẫn sẽ được công nhận]

③ Đạt một trong các chứng chỉ năng lực tiếng Anh sau: TOEFL IBT từ 59, IELTS từ 5.5, CEFR từ B2, NEW TEPS từ 202 điểm trở lên

※ Chỉ áp dụng đối với thí sinh đã đạt kết quả tương ứng trước thời hạn kết thúc tiếp nhận hồ sơ
※ Đối với thí sinh mang quốc tịch của quốc gia sử dụng tiếng Anh là tiếng mẹ đẻ (Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Canada, Nam Phi, New Zealand, Úc, Ireland), có thể thay thế yêu cầu chứng minh năng lực ngôn ngữ bằng giấy tờ chứng minh đã hoàn thành chương trình giáo dục trung học phổ thông (như bằng tốt nghiệp, v.v.)

- ④ oàn thành từ cấp 3 trở lên chương trình Hội nhập Xã hội (KIIP) của Bộ Tư pháp hoặc đạt từ 61 điểm trở lên trong kỳ đánh giá đầu vào
- ⑤ Thí sinh nộp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình Giáo dục cơ bản do Học viện Sejong ở nước ngoài cấp (hoàn thành khóa Tiếng Hàn Trung cấp 1 trở lên)(Ngoại trừ giấy chứng nhận hoàn thành khóa học trực tuyến của Học viện Sejong)

Tuyển sinh diện II (khoa Tự do toàn cầu)

Phải đáp ứng ít nhất một trong các điều kiện về năng lực ngôn ngữ dưới đây

- ① Có TOPIK hoặc TOPIK IBT từ cấp 3 trở lên
 - ※ Tại thời điểm đăng ký, có thể đăng ký bằng phiếu dự thi TOPIK thuộc kì thi được nhà trường công nhận [Các thí sinh đã nộp phiếu dự thi, phải nộp kết quả TOPIK cấp 4 trở lên đến 13:00 ngày 21. 12. 2026 (Thứ Hai) đối với Học kì I / và đến giữa tháng 6. 2027 đối với Học kì II (lịch cụ thể sẽ được thông báo sau)]
- ② Thí sinh đã hoàn thành từ cấp 3 trở lên khóa đào tạo tiếng Hàn tại ĐHQG Kyungpook
 - [Tuy nhiên, thí sinh phải hoàn thành từ cấp 3 trở lên trước 13.11.2026 (thứ Sáu) đối với Học kì I / và trước 14.5.2027 (thứ Sáu) đối với Học kì II, thì mới được công nhận]

C. Thí sinh trúng tuyển dự bị

Bắt buộc phải nộp kết quả năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của khoa mà bản thân đã đăng ký trước 13:00 ngày 21. 12. 2026 (thứ Hai) đối với Học kì I / và trong tháng 6. 2027 đối với Học kì II (lịch cụ thể sẽ được thông báo sau)

※ Đối với Khoa truyền thông đa phương tiện, Quản trị kinh doanh, Kinh tế thương mại, Kỹ thuật cơ khí, chỉ công nhận kết quả năng lực ngôn ngữ nộp trước thời hạn kết thúc tiếp nhận hồ sơ (Không chấp nhận đăng ký bằng phiếu dự thi TOPIK)

5 Phương thức ứng tuyển

1. Tiếp nhận hồ sơ và tải lên hồ sơ ứng tuyển

※ Có thể đăng ký đồng thời Tuyển sinh diện I và tuyển sinh diện II

1) Thời gian tiếp nhận: (Học kì 1) Từ 09:00 12. 10. 2026 (thứ Hai) Đến 18:00 30. 10 (thứ Sáu)

(Học kì 2) Từ 09:00 12. 4. 2027 (thứ Hai) Đến 18:00 30. 4 (thứ Sáu)

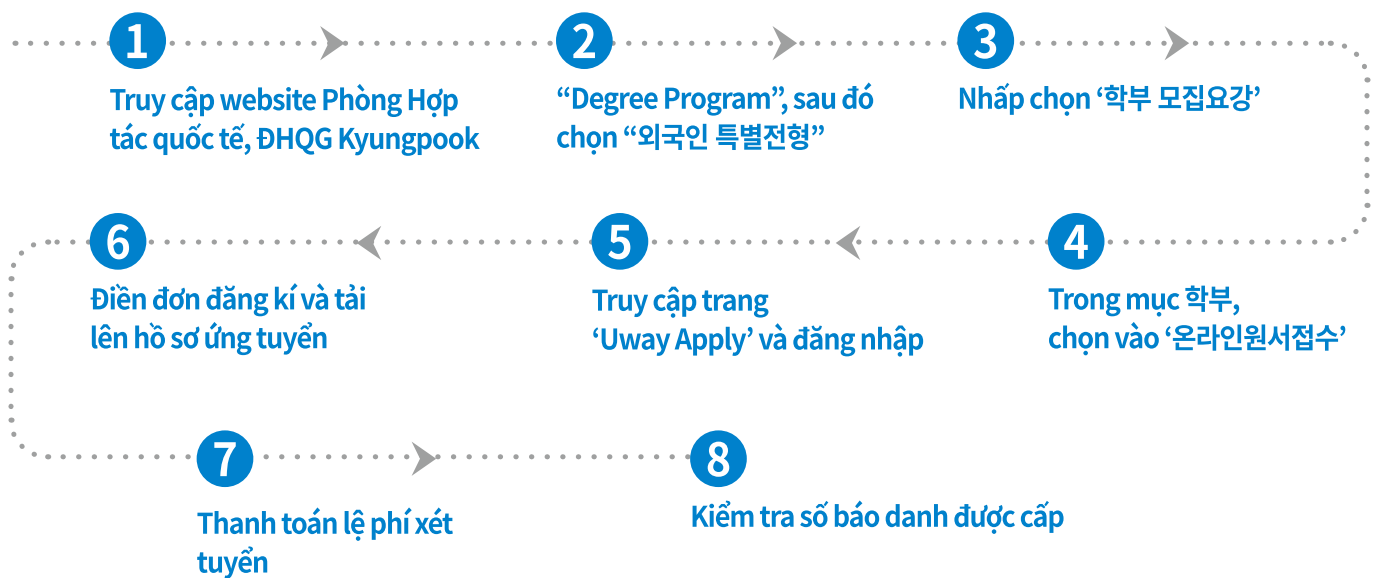
2) Nơi tiếp nhận: Uway Apply (www.uwayapply.com)

3) Số báo danh: Sau khi hoàn tất đăng ký trực tuyến, số báo danh sẽ được cấp tự động

4) Cách thức nộp hồ sơ: Trong thời gian tiếp nhận hồ sơ, thí sinh phải tải lên các giấy tờ tương ứng dưới dạng từng tệp PDF riêng đối với từng mục từ ① ⑭ (trong phần 「6. Hồ sơ ứng tuyển」 (trang 10)

(※Không được gộp toàn bộ hồ sơ thành một tệp PDF duy nhất để tải lên))

Quy trình đăng ký trực tuyến



▶ Hồ sơ ứng tuyển bắt buộc 1. Tải lên theo đúng thứ tự danh mục cần nộp 2. Mỗi mục phải được tải lên dưới dạng một tệp PDF riêng

※ Trường hợp đăng ký đồng thời Tuyển sinh diện I và Tuyển sinh diện II, thí sinh phải tải lên hồ sơ ứng tuyển riêng tương ứng với từng số tiếp nhận hồ sơ

▶ Việc đăng ký chỉ được tính là hợp lệ khi đã hoàn tất thanh toán lệ phí xét tuyển. Và sau khi thanh toán lệ phí xét tuyển thì không thể chỉnh sửa nội dung đơn đăng ký

▶ Trường hợp thí sinh hủy đăng ký trước ngày hết hạn đăng ký, tức trước 18:00 30. 10. 2026 (thứ Sáu) đối với Học kì 1 / Và trước 18:00 30. 4. 2027 (thứ Sáu) đối với Học kì 2, có thể được hoàn lại 100% lệ phí xét tuyển. Trường hợp hủy đăng ký sau thời hạn trên, lệ phí xét tuyển sẽ không được hoàn lại

▶ Sau khi hoàn tất đăng ký, thí sinh phải ghi nhớ số báo danh được cấp gồm 5 chữ số

▶ Dự kiến lượng truy cập sẽ tăng cao vào ngày cuối cùng của thời hạn đăng ký, thí sinh nên hoàn tất đăng ký trước ngày hết hạn nếu có thể

▶ Giải đáp thắc mắc về đăng ký trực tuyến: Uway Apply +82-1588-8988

2. Xét duyệt hồ sơ

- A. Thời gian: (Học kì 1) **2. 11. 2026 (thứ Hai) 16. 11 (thứ Hai)**
(Học kì 2) **4. 5. 2027 (thứ Ba) 17. 5 (thứ Hai)**
- B. Phương thức: Xét duyệt thí sinh có đáp ứng điều kiện ứng tuyển hay không, chuyên ngành tại trường đại học trước đây và chuyên ngành đăng ký chuyển tiếp có tương đồng hay không, v.v., sau đó xác định thí sinh là “Đủ điều kiện” hoặc “Không đủ điều kiện”

3. Phòng vấn vấn đáp

- A. Thời gian: (Học kì 1) **Dự kiến 18. 11. 2026 (thứ Tư) 27. 11. 2026 (thứ Sáu)**
(Học kì 2) **Dự kiến 19. 5. 2027 (thứ Tư) 28. 5. 2027 (thứ Sáu)**
- B. Bộ phận phụ trách: Phòng Hợp tác quốc tế (tuy nhiên, phần đánh giá thực hành đối với thí sinh đăng ký vào khối ngành Nghệ thuật sẽ do từng khoa thực hiện, riêng thí sinh đăng ký Khoa Mỹ thuật bắt buộc phải tham gia bài thi thực hành tại chỗ của trường)
- C. Phương thức: Phòng vấn trực tuyến
- 1) Phòng Hợp tác quốc tế sẽ thông báo trước cho thí sinh qua email về ngày giờ, phương thức tiến hành phỏng vấn và các nội dung liên quan
 - 2) Đánh giá năng lực tiếng Hàn, kiến thức cơ bản về chuyên ngành và năng lực học tập của thí sinh để xác định “Đạt” hoặc “Không đạt”
※ Thí sinh trúng tuyển dự bị được miễn thi phỏng vấn vấn đáp

4. Công bố kết quả trúng tuyển

- A. Ngày công bố: (Học kì 1) **Dự kiến 6. 1. 2027 (thứ Tư) / (Học kì 2) Dự kiến 7. 7. 2027 (thứ Tư)**
- B. Phương thức công bố: Thông báo riêng cho từng thí sinh qua email

6 Hồ sơ ứng tuyển

1. Khi đăng ký hồ sơ trực tuyến

* '○': Hồ sơ bắt buộc, '△': Đối với thí sinh tương ứng

Hồ sơ ứng tuyển	Mối nhập học	Ghi chú	Ghi chú
① Đơn đăng ký nhập học	○	○	• Thay thế bằng đơn đăng ký trực tuyến
② Bản giới thiệu bản thân & Kế hoạch học tập	○	○	• Sử dụng mẫu của trường (tải xuống ở website của trường hoặc Uway Apply)
③ Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)	○	○	• Quốc tịch Trung Quốc: Tham khảo các lưu ý bên dưới - 「라. Thí sinh tốt nghiệp THPT tại Trung Quốc」
④ Bảng điểm/Học bạ THPT (3 năm)	○	○	• Không phải quốc tịch Trung Quốc: Nộp hồ sơ đã được chứng nhận Apostille hoặc xác nhận lãnh sự
⑤ Giấy chứng nhận đang theo học/hoàn thành/tốt nghiệp Đại học (hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời)	×	○	※ Thí sinh đã tốt nghiệp: Bắt buộc phải nộp hồ sơ trước ngày hết hạn đăng kí ※ Thí sinh dự kiến tốt nghiệp : Nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời do trường đang theo học cấp (ghi rõ ngày dự kiến tốt nghiệp) và bảng điểm đã tích lũy đến học kỳ tương ứng
⑥ Bảng điểm Đại học ※ Phải ghi rõ số tín chỉ của từng môn học và quy đổi theo thang điểm 100	×	○	※ Thí sinh tốt nghiệp THPT tại quốc gia hệ giáo dục 11 năm: Nộp bổ sung cả hai loại giấy tờ 1) và 2) dưới đây 1) Giấy tờ chứng minh đã hoàn thành lớp 9~11 tại cùng một quốc gia (Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS hoặc giấy tờ chứng nhận chính thức có giá trị tương đương) 2) Bảng điểm lớp 9 (THCS)
⑦ Chứng chỉ năng lực ngôn ngữ được công nhận (TOPIK, IELTS, v.v.)	○	○	• (Học kì 1) Chỉ công nhận kết quả được cấp từ 12.10.2024 (thứ Hai) trở đi • (Học kì 2) Chỉ công nhận kết quả được cấp từ 12.4.2025 (thứ Hai) trở đi
⑧ Phiếu dự thi TOPIK	△	△	• (Học kì 2) Các kỳ thi được công nhận sẽ được thông báo sau ※ Tham khảo trang 9 「3. Năng lực ngôn ngữ」 • (Học kì 2) Các kỳ thi được công nhận sẽ được thông báo sau ※ Tham khảo trang 9 「3. Năng lực ngôn ngữ」
⑨ Giấy chứng nhận hoàn thành (hoặc đang theo học) khóa đào tạo tiếng Hàn và bảng điểm	△	△	• Thí sinh đang theo học (hoặc đã hoàn thành) khóa đào tạo tiếng Hàn tại Hàn Quốc bắt buộc phải nộp
⑩ Bản sao hộ chiếu	○	○	※ Tham khảo lưu ý bên dưới - 「다. Hộ chiếu」
⑪ Bản sao Thẻ đăng ký người nước ngoài (cả mặt trước và mặt sau)	△	△	• Áp dụng đối với thí sinh đang cư trú tại Hàn Quốc
⑫ Giấy tờ chứng minh quốc tịch của cha mẹ và quan hệ gia đình	○	○	※ Tham khảo lưu ý bên dưới - 「바. Giấy tờ chứng minh quốc tịch của ba mẹ và quan hệ gia đình」
⑬ Giấy chứng nhận trúng tuyển dự bị	△	△	※ Nộp Giấy chứng nhận trúng tuyển dự bị được cấp tại thời điểm được công nhận là trúng tuyển dự bị
⑭ Hồ sơ quá trình học tập	△	△	• Áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT tại Hàn Quốc ※ Tham khảo lưu ý bên dưới - 「바. Thí sinh tốt nghiệp THPT tại Hàn Quốc」

※ Những lưu ý khi nộp hồ sơ

- Tất cả hồ sơ nộp phải được viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Trường hợp hồ sơ được viết bằng ngôn ngữ khác, phải nộp kèm bản dịch thuật công chứng
- Khi tải hồ sơ dự tuyển lên, phải tạo và **tải lên từng tệp PDF riêng cho từng mục từ ⑭**
- Hộ chiếu: Nộp bản sao hộ chiếu còn thời hạn hiệu lực, nếu có thay đổi thông tin hộ chiếu bắt buộc phải thông báo cho nhà trường
 - Thí sinh mang quốc tịch Uzbekistan phải nộp 'hộ chiếu quốc tế' dùng để xuất cảnh sang nước ngoài
- Thí sinh tốt nghiệp THPT tại Trung Quốc
 - THPT chính quy: Bản dịch thuật công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp/Bảng điểm, bản tiếng Anh giấy chứng nhận 学信网
 - THPT đào tạo nghề: Giấy xác nhận thông tin trường (mẫu 3 trang 18), bản dịch

thuật công chứng Giấy chứng nhận tốt nghiệp/Bảng điểm, kèm theo giấy tờ 1) hoặc

2) dưới đây

1) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do chính nhà trường cấp: Nộp giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự (Apostille) sau khi được Sở Giáo dục tỉnh (Cục Giáo dục thành phố) xác minh

2) Giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan giáo dục địa phương cấp: Nộp giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự (Apostille)

E. Giấy tờ chứng minh quốc tịch của ba mẹ và quan hệ gia đình

- Bản sao giấy tờ tùy thân của thí sinh và cha mẹ thí sinh

- Giấy tờ có ghi rõ mối quan hệ giữa thí sinh với cha mẹ cùng với quốc tịch của thí sinh và cha mẹ

※ Chỉ công nhận giấy tờ được công chứng trong vòng 6 tháng gần nhất tính từ ngày nộp hồ sơ

- Trường hợp cha hoặc mẹ đã qua đời (hoặc ly hôn) phải nộp bản gốc bản công chứng Giấy chứng tử (hoặc Giấy chứng nhận ly hôn)

**Ví dụ về giấy
tờ chứng
minh quan
hệ gia đình**

Philippines: Family Census, Indonesia: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (KARTU KELUARGA), Myanmar: Giấy chứng nhận quan hệ gia đình (இதரவு), Bangladesh: জন্ম কাগজ hoặc জন্ম সার্টিফিকেট, Việt Nam: Sổ hộ khẩu hoặc giấy khai sinh, Mông Cổ: Giấy chứng nhận quan hệ thân nhân, Pakistan: Family Registration Certificate (FRC), Sri Lanka: ආහාරායම්පිටි, Nepal: जनमदाला, Kyrgyzstan Kazakhstan Uzbekistan Ukraine Thái Lan: Giấy khai sinh (Birth Certificate), Trung Quốc: Sổ hộ khẩu (trường hợp hộ khẩu của thí sinh và cha mẹ được tách riêng thì phải nộp thêm giấy tờ chứng minh quan hệ thân nhân)

F. Thí sinh tốt nghiệp THPT tại Hàn Quốc: Nhà trường sẽ đánh giá và xem xét tổng hợp về các biện pháp xử lý kỷ luật bạo lực học đường được ghi trong hồ sơ quá trình học tập, nếu không nộp hồ sơ quá trình học tập thì được xem như là “Không đủ điều kiện”

2. Sau khi đỗ phỏng vấn vấn đáp

A. Đối tượng: Thí sinh đỗ phỏng vấn vấn đáp và trúng tuyển dự bị

B. Phương thức: Scan qua email hoặc nộp bản gốc trực tiếp (hoặc qua đường bưu điện) cho Phòng Hợp tác quốc tế

C. Thời hạn: Từ lúc thông báo kết quả phỏng vấn vấn đáp cho đến **18.12.2016 (thứ Sáu)** đối với Học kì 1 / và đến **18. 6. 2027 (thứ Sáu)** đối với Học kì 2

D. Hồ sơ cần nộp: Chọn ① hoặc ② dưới đây

① Giấy xác nhận số dư ngân hàng tương đương 16.000.000 KRW (Bản tiếng Hàn hoặc tiếng Anh)

- Nộp Giấy xác nhận số dư ngân hàng đứng tên thí sinh hoặc cha/mẹ của thí sinh

※ Đối với thí sinh đã đăng ký người nước ngoài và đang cư trú tại Hàn Quốc, chỉ công nhận Giấy xác nhận số dư ngân hàng tại Hàn Quốc đứng tên thí sinh

- Trường hợp nộp Giấy xác nhận số dư đứng tên cha mẹ, phải nộp kèm Giấy chứng nhận việc làm hoặc Giấy đăng ký kinh doanh của cha mẹ (bản tiếng Hàn hoặc tiếng Anh)

- Không công nhận Giấy xác nhận số dư ngân hàng đứng tên người khác ngoài thí sinh hoặc cha mẹ của thí sinh

- **Nộp giấy tờ được cấp trong vòng 30 ngày tính từ ngày nộp hồ sơ**

- Đối với thí sinh quốc tịch Uzbekistan đang cư trú tại địa phương, chỉ công nhận Giấy xác nhận số dư do KDB Uzbekistan cấp, đồng thời số dư phải được duy trì trong ít nhất 3 tháng kể từ ngày cấp

- Trường hợp nộp Giấy xác nhận số dư của ngân hàng tại Trung Quốc, tài khoản phải được đóng băng đến 28. 2. 2027 đối với Học kì 1 / và đến 30. 8. 2027 đối với Học kì 2

② Giấy chứng nhận cấp học bổng (hoặc dự kiến cấp học bổng)

- Áp dụng cho thí sinh được nhận hỗ trợ tài chính từ chính phủ nước mình hoặc các cơ quan khác

※ Trường hợp tổng giá trị học bổng dưới 16.000.000 KRW, thí sinh phải nộp bổ sung giấy tờ chứng minh tài chính đối với phần còn thiếu

3. ★Hồ sơ bản gốc bắt buộc phải nộp

※ Sau khi đối chiếu với bản sao đã nộp tại thời điểm đăng ký, nếu phát hiện nội dung không trùng khớp hoặc giả mạo, quyết định nhập học sẽ bị hủy

A. Đối tượng: Thí sinh đỗ phỏng vấn và thí sinh trúng tuyển dự bị

B. Phương thức: Bắt buộc phải nộp hồ sơ bản gốc cho Phòng Hợp tác quốc tế qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp

C. Thời hạn: Đến 19.2.2027 đối với Học kì 1 / và đến 20.8.2027 đối với Học kì 2

D. Hồ sơ cần nộp

1) Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính	Thí sinh đủ điều kiện và đã nộp bản gốc trong thời hạn nộp hồ sơ chứng minh tài chính trước đó thì không cần nộp bổ sung
2) Giấy tờ xác nhận trình độ học vấn cao nhất	Áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp trường học ngoài Hàn Quốc. Thí sinh tốt nghiệp trường tại Hàn Quốc không thuộc nhóm này. Chọn một trong các loại giấy tờ ①, ②, ③ dưới đây ① Thí sinh hoàn thành chương trình học tại Trung Quốc: - THPT chính quy: Giấy chứng nhận tốt nghiệp do Trung tâm xác minh học vị và trình độ học vấn thuộc Bộ Giáo dục Trung Quốc 学信网 cấp (bản tiếng Anh) - THPT đào tạo nghề: Bản gốc Giấy chứng nhận tốt nghiệp đã được chứng nhận Apostille và Giấy xác nhận thông tin trường học ② Quốc gia thành viên Công ước Apostille: Bản gốc giấy tờ chứng minh trình độ học vấn đã được xác nhận Apostille ③ Các quốc gia khác: Bản gốc giấy tờ chứng minh trình độ học vấn đã được Đại sứ quán Hàn Quốc tại quốc gia sở tại hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của quốc gia đó tại Hàn Quốc xác nhận
3) Bảng điểm	Nộp bản gốc của toàn bộ giấy tờ đã nộp khi đăng ký trực tuyến
4) Giấy tờ chứng minh quan hệ gia đình	Trong số các giấy tờ đã nộp khi đăng ký trực tuyến, ngoại trừ giấy tờ tùy thân (căn cước công dân), tất cả các giấy tờ còn lại phải nộp bản gốc Trường hợp chỉ có một bản gốc duy nhất, thì công chứng và nộp bản sao có công chứng

7 Lệ phí xét tuyển

1. Lệ phí xét tuyển: 80,000 KRW (thu riêng theo từng diện tuyển sinh)

2. Phương thức thanh toán

A. Bắt buộc thanh toán thông qua hệ thống đăng ký trực tuyến

B. Nếu không thanh toán lệ phí xét tuyển trong thời gian tiếp nhận hồ sơ, hồ sơ đăng ký sẽ tự động bị hủy

C. Sau khi thanh toán lệ phí xét tuyển, sổ báo danh sẽ được cấp và sau thời điểm này không thể chỉnh sửa đơn đăng ký nhập học

3. Sau khi hoàn tất thanh toán, không thể hủy đăng ký và lệ phí xét tuyển không được hoàn lại

8 Lưu ý dành cho thí sinh

1. Tất cả hồ sơ ứng tuyển phải được viết bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Anh. Trường hợp hồ sơ được viết bằng ngôn ngữ khác phải nộp kèm bản dịch công chứng
2. Nếu phát hiện thí sinh trúng tuyển bằng các phương thức không chính đáng như làm giả hoặc chỉnh sửa hồ sơ ứng tuyển,...v.v quyết định cho phép nhập học sẽ bị hủy bỏ
3. Thí sinh phải tự chịu mọi trách nhiệm đối với các vấn đề phát sinh do ghi sai thông tin liên hệ (email, số điện thoại, v.v.) trong đơn đăng ký nhập học hoặc do không thể liên lạc được với thí sinh
4. Sau khi trúng tuyển, nếu thí sinh bị cơ quan có thẩm quyền từ chối cấp thị thực hoặc không được cấp visa dẫn đến không thể nhập cảnh, quyết định nhập học sẽ bị hủy bỏ
5. Đối với thí sinh dự kiến nhận học bổng với số tiền từ 16.000.000 KRW trở lên, phải nộp Giấy xác nhận chi trả (hoặc dự kiến chi trả) học phí trong thời gian theo học do cơ quan cấp học bổng cấp
6. Lệ phí xét tuyển và hồ sơ ứng tuyển đã nộp sẽ không được hoàn trả
7. Số báo danh cần thiết để tra cứu kết quả trúng tuyển và thực hiện các thủ tục liên quan, vì vậy sau khi hoàn tất đăng ký hồ sơ, thí sinh phải ghi chú lại
8. Trường hợp thí sinh được đánh giá là không đủ năng lực học tập, nhà trường có thể từ chối nhập học
9. Theo 「Quy định về công nhận điều kiện tốt nghiệp」 của ĐHQG Kyungpook, sinh viên quốc tế nhập học tại trường (không bao gồm sinh viên chuyển tiếp) phải đạt TOPIK cấp 4 trở lên trước khi tốt nghiệp
※ Chỉ công nhận kết quả TOPIK trong vòng 4 năm kể từ ngày thi được ghi trên Giấy chứng nhận kết quả TOPIK
10. Theo 「Luật Bảo hiểm y tế Quốc dân」 và 「Quy định thi hành Luật Bảo hiểm y tế Quốc dân」, sinh viên quốc tế phải tham gia Bảo hiểm y tế Quốc dân của Hàn Quốc theo diện đối tượng tham gia bảo hiểm tại địa phương
11. Những nội dung không được quy định cụ thể trong Thông tin tuyển sinh này, sẽ do Phòng Hợp tác quốc tế, ĐHQG Kyungpook quyết định
12. Thông tin tuyển sinh này được viết bằng tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt trong cách diễn giải giữa các bản ngôn ngữ, nội dung của bản tiếng Hàn sẽ được lấy làm căn cứ
13. Để phục vụ công tác tuyển sinh đại học, nhà trường thu thập và sử dụng thông tin cá nhân của thí sinh và các đối tượng liên quan như sau:
 - Thông tin thu thập và sử dụng: Họ tên, số đăng ký người nước ngoài, ảnh, số hộ chiếu, địa chỉ, trường đã tốt nghiệp, số điện thoại bàn, số điện thoại di động, email, kết quả năng lực ngôn ngữ, lịch sử học tập và thời gian cư trú ở nước ngoài, thông tin tài khoản hoàn tiền, v.v.
 - Mục đích thu thập và sử dụng: Phục vụ tuyển sinh, công tác visa và quản lý lưu trú, công tác học tập, học bổng, thống kê, tuyển chọn sinh viên vào ký túc xá và cung cấp các thông tin hướng dẫn liên quan đến nhập học
 - Thời hạn lưu giữ và sử dụng: 10 năm

※ Căn cứ Điều 35, Điều 73 của Nghị định thi hành Luật Giáo dục Đại học và 「Hướng dẫn về thời hạn bảo quản hồ sơ Đại học (2021)」 của Cơ quan Lưu trữ Quốc gia thuộc Bộ Nội vụ và an toàn hành chính (tên tác vụ: Quản lý tuyển sinh)

Nơi được cấp thông tin		Thông tin được cung cấp	Mục đích cung cấp	Thời hạn lưu giữ
DH-QGKyung-pook	Các phòng ban trực thuộc trường (Phòng Học vụ, Phòng Công tác Sinh viên, Phòng Tài chính, v.v.)	Họ tên, số đăng ký người nước ngoài, địa chỉ, thông tin liên hệ, thông tin đăng ký dự tuyển (diện tuyển sinh, khoa/ ngành, v.v.), tài liệu kết quả học tập, tên trường đã tốt nghiệp, v.v.	Lập hồ sơ học tập, tuyển chọn sinh viên nhận học bổng, thống kê, thu học phí, v.v.	Cho đến khi hoàn thành mục đích xử lý
	Các khoa ngành	Họ tên, thông tin liên lạc, tên trường đã tốt nghiệp, kết quả năng lực ngôn ngữ, v.v.	Thực hiện phỏng vấn, v.v.	
	Ký túc xá	Họ tên, số đăng ký người nước ngoài, thông tin đăng ký dự tuyển (diện tuyển sinh, khoa/ ngành, v.v.), v.v.	Tuyển chọn sinh viên vào ký túc xá, gửi thông tin hướng dẫn, v.v.	
	Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ	Họ tên, thông tin liên lạc, v.v.	Hướng dẫn về các chương trình khóa học ngoại ngữ, v.v.	
	Trung tâm Giáo dục IT	Họ tên, thông tin liên lạc, v.v.	Hướng dẫn về các chương trình đào tạo IT, v.v.	
Bên thứ ba	Bộ Tư pháp, Cục quản lý xuất nhập cảnh	Họ tên, số đăng ký người nước ngoài, địa chỉ, thông tin liên hệ, thông tin đăng ký dự tuyển (diện tuyển sinh, khoa/ ngành, v.v.), tài liệu kết quả học tập, tên trường đã tốt nghiệp, v.v.	Cấp thư mời nhập học, quản lý lưu trú, v.v.	
	Hội đồng Giáo dục đại học Hàn Quốc	Họ tên, số đăng ký người nước ngoài, thông tin đăng ký dự tuyển (diện tuyển sinh, khoa/ ngành, v.v.), v.v.	Sử dụng chung hệ thống tiếp nhận hồ sơ đăng ký, v.v.	
	Công ty cổ phần GLN International	Họ tên, mã số sinh viên, tên trường đại học bằng tiếng Anh, địa chỉ trường đại học bằng tiếng Anh, thời hạn nộp học phí, số tiền học phí phải nộp, số tài khoản ảo, thông tin thanh toán (ngày nộp học phí, số tiền đã nộp)	Sử dụng dịch vụ thanh toán học phí đơn giản GLN, v.v.	

9 Học bổng

Học bổng dành cho sinh viên mới nhập học và sinh viên chuyển tiếp

1. Học bổng TOPIK dành cho sinh viên mới nhập học và sinh viên chuyển tiếp (bao gồm TOPIK IBT)

- A. TOPIK (hoặc TOPIK IBT) cấp 3: Miễn [học phí 1] học kì đầu tiên (tương đương 20% học phí)
- B. TOPIK (hoặc TOPIK IBT) cấp 4: Miễn một nửa [học phí 2] học kì đầu tiên (tương đương 40% học phí)
- C. TOPIK (hoặc TOPIK IBT) cấp 5: Miễn toàn bộ [học phí 2] học kì đầu tiên (tương đương 80% học phí)
- D. TOPIK (hoặc TOPIK IBT) cấp 6: Miễn toàn bộ học phí học kỳ đầu tiên

2. Học bổng dành cho thí sinh hoàn thành chương trình đào tạo tiếng Hàn của ĐHQG Kyungpook

Thí sinh hoàn thành từ 2 học kỳ trở lên chương trình đào tạo tiếng Hàn của nhà trường: Miễn [học phí 1] học kì đầu tiên (tương đương 20% học phí)

* Ngày hoàn thành: Đến 13.11.2026 (thứ Sáu) đối với Học kì 1 / và đến 14.5.2027 (thứ Sáu) đối với Học kì 2

※ Không áp dụng đồng thời với 「1. Học bổng TOPIK dành cho sinh viên mới nhập học và sinh viên chuyển tiếp」 nêu trên

- 3. Học bổng ký túc xá:** Sau khi nhập học và vào ở trong ký túc xá, sinh viên được hỗ trợ phí quản lý (không bao gồm tiền ăn) cho học kỳ đầu tiên
- ※ Sinh viên được nhận vào ký túc xá sẽ được tuyển chọn tùy theo tình hình ngân sách của trường

Học bổng dành cho sinh viên đang theo học

- 1. Học bổng TOPIK (hoặc TOPIK IBT) dành cho sinh viên đang theo học**
- Sinh viên có TOPIK (hoặc TOPIK IBT) cấp 3 trở xuống và sinh viên chưa có TOPIK (hoặc TOPIK IBT), nếu đạt TOPIK (hoặc TOPIK IBT) cấp 4 trở lên trong vòng 3 học kỳ sau khi nhập học → Được cấp tối đa 01 lần học bổng 500.000 KRW 金
- 2. Học bổng thành tích xuất sắc** (Đánh giá dựa trên kết quả học tập của học kỳ liền trước sau khi nhập học)
- A. Sinh viên quốc tế đang theo học có thành tích thuộc top 7% của từng khoa → Miễn [học phí 2] (tương đương 80% học phí)
- B. Sinh viên quốc tế đang theo học có thành tích thuộc top 8~37% → Miễn [học phí 1] (tương đương 20% học phí)

10 Học phí mỗi kì [căn cứ năm học 2026]

Cơ sở	Khối ngành	Khoa	Học phí (KRW)
Daegu	Nhân văn / Sư phạm	Các khoa	₩1,981,000
		Khảo cổ và nhân học	₩2,028,500
	Khoa học tự nhiên / Khoa học đời sống	Các khoa	₩2,379,000
	Kinh tế & Kinh doanh / Hành chính	Các khoa	₩1,954,000
	Kỹ thuật / IT / AI	Các khoa	₩2,531,000
	Khoa học nông nghiệp & đời sống	Các khoa	₩2,379,000
		Kinh tế tài nguyên thực phẩm	₩1,981,000
	Khoa học xã hội	Các khoa	₩2,019,000
	Nghệ thuật	Các khoa	₩2,610,000
		Mỹ thuật	₩2,670,000
Sangju	Môi trường sinh thái	Các khoa	₩2,379,000
		Du lịch	₩1,981,000
	Khoa học kỹ thuật	Các khoa	₩2,531,000
		Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ ăn uống	₩2,379,000

11 Chi phí ký túc xá[căn cứ học kỳ 2 năm học 2026]

Phí quản lý & Phí ăn		Học kỳ			Kì nghỉ		Ghi chú
		Khu Bongsahwamuk (Daegu)	Khu Cheongsung (Daegu)	Khu Cheongun-Noak (Sangju)	Nghỉ hè (năm 2026)	Nghỉ đông (năm 2026)	
Phí quản lý	2 người/1 phòng	₩635,500	₩713,400	₩693,100	₩374,600	₩393,000	Có thể chọn số bữa ăn (Daegu: 0~3 bữa/Sangju: 1~3 bữa)
Tiền ăn (1 ngày 3 bữa)		₩1,043,200	₩1,100,800	₩ 1,111,800	₩452,200 (1 ngày 2 bữa)	₩270,000 (1 ngày 2 bữa)	

- ※ Đối tượng sử dụng nhà ăn: Nhà ăn Cheomseongwan: sinh viên Cheomseongwan, sinh viên Hyangtogwan / Nhà ăn Nurigwan: sinh viên Nurigwan / Nhà ăn Boramgan: sinh viên Boramgan, sinh viên Bongsagwan, sinh viên Hwamokgan
- ※ Mức phí có thể thay đổi
- ※ Website ký túc xá: <https://dorm.knu.ac.kr> (cơ sở Daegu), <https://dorm.knu.ac.kr/scdorm> (cơ sở Sangju)

12 Giải đáp thắc mắc và địa chỉ nộp hồ sơ

1. Email : ugapply1@knu.ac.kr
2. Địa chỉ : 80 Daehak-ro, Buk-gu, Daegu, Hàn Quốc
Phòng Hợp tác quốc tế, ĐHQG Kyungpook (tầng 2, tòa Cheomseongin Miraegwan)
Mã bưu chính 41566
3. Thông tin liên hệ : Tel) 053-950-2436, Fax) 053-950-2419
4. Thời gian làm việc : Các ngày trong tuần từ 09:00 đến 18:00 (giờ nghỉ trưa: 12:00–13:00)
5. Website ĐHQG Kyungpook
- <https://www.knu.ac.kr> (tiếng Hàn), <https://en.knu.ac.kr> (tiếng Anh), <https://cn.knu.ac.kr> (tiếng Trung)
6. Website Phòng Hợp tác quốc tế, ĐHQG Kyungpook : <https://international.knu.ac.kr>



1 Bài thi thực hành của Trường Đại học Nghệ thuật

1. Khoa âm nhạc

Chuyên ngành	Tác phẩm dự thi	Thời gian thi
Thanh nhạc	1. 01 ca khúc của Ý (tự chọn) 2. 01 ca khúc của Đức (tự chọn)	
Piano	1. 01 ca khúc trong F. Chopin Etude Op.10, Op.25 2. 01 chương có tiết tấu nhanh trong L. v. Beethoven Sonata (không lặp lại)	
Sáng tác	1. Thi thực hành sáng tác: Sáng tác một tác phẩm dành cho piano theo hình thức ba đoạn, dựa trên chủ đề quy định	180 phút
	2. Thi thực hành piano: 01 tác phẩm tự chọn	
Nhạc cụ	01 chương có tiết tấu nhanh trong Concerto hoặc 01 tác phẩm tự chọn	

1. Tất cả tác phẩm dự thi trong bài thi thực hành phải biểu diễn mà không được nhìn nhạc phổ.
2. Thí sinh phải tự đi cùng người đệm đàn.
3. Đối với tất cả các nhạc cụ ngoại trừ piano, thí sinh phải tự mang theo nhạc cụ.
4. Các thắc mắc khác vui lòng liên hệ văn phòng Khoa Âm nhạc (Tel. +82-53-950-5656).

2. Khoa mỹ thuật

Thí sinh đăng ký vào Khoa Mỹ thuật bắt buộc phải tham gia bài thi thực hành tại chỗ

Chuyên ngành	Bài thi	Vật dụng chuẩn bị	Giấy vẽ	Thời gian thi
Hội họa Hàn Quốc Hội họa phương Tây Điêu khắc	Vẽ hình họa	Tự chọn (tự mang theo)	Khổ 2(545×788mm)	180 phút
	Đánh giá portfolio	Portfolio	-	Mỗi người 10 phút

1. Portfolio phải được nộp tại văn phòng khoa trước 17:00 của ngày hết hạn đăng ký hồ sơ(qua thời gian quy định sẽ không được tiếp nhận)
2. Tiêu chuẩn portfolio gồm 10 trang khổ A4
3. Thời gian thuyết trình portfolio(bao gồm cả phần hỏi đáp) là khoảng 10 phút, và bắt buộc phải chuẩn bị dưới dạng PowerPoint
4. Tài liệu phát biểu thí sinh tự lưu vào USB và mang đến trực tiếp vào ngày diễn ra bài thi thực hành tại chỗ
5. Portfolio đã nộp sẽ không được hoàn trả
6. Các thắc mắc khác vui lòng liên hệ văn phòng Khoa Mỹ thuật (Tel. +82-53-950-5680)

3. Khoa thiết kế

Nộp Portfolio từ 10 trang khổ A4 trở lên

2 Giấy tờ chứng nhận Apostille

Về chứng nhận Apostille

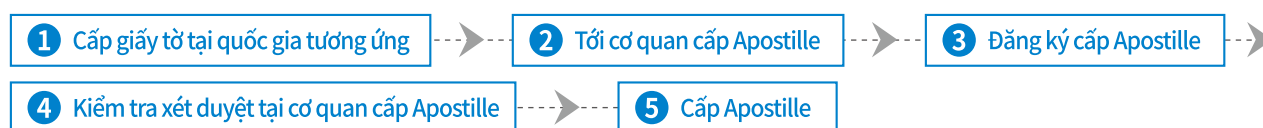
1. Hiệp ước Apostille

Là hiệp ước đa quốc gia với mục đích kiểm tra, xác nhận giấy tờ được phát hành tại các quốc gia tham gia hiệp ước và giảm bớt những thủ tục chứng nhận phức tạp ví dụ như xác nhận lãnh sự quán để việc chứng nhận giấy tờ giữa các quốc gia trở nên dễ dàng hơn

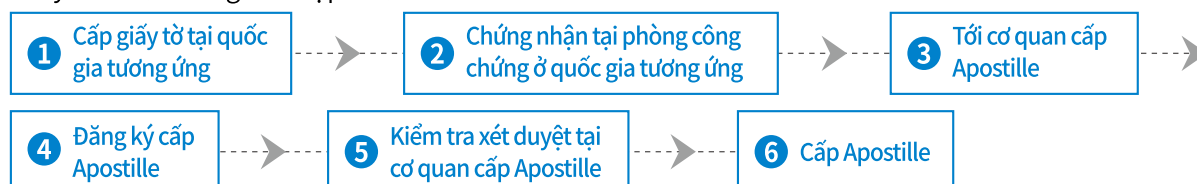
- Tên gọi bằng tiếng Anh : Convention Abolishing the Requirement of Legalization for Foreign Public Document

2. Quy trình cấp phát

A. Giấy tờ công (Các trường công lập, quốc gia v.v)



B. Giấy tờ tư (Trường dân lập v.v)



3. Cơ quan cấp phát

Cơ quan được quy định bởi chính phủ các nước tương ứng (※ Ở Hàn là Bộ ngoại giao)

※ Thông tin cơ quan liên quan tới Apostille từng quốc gia tham khảo tại www.hcch.net - Apostille Section

4. Các nước tham gia hiện tại : Tổng 126 quốc gia

Khu vực	Quốc gia
Châu Á, Châu Đại Dương (22 nước)	Úc, Trung Quốc (bao gồm Ma Cao và Hồng Kông), Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand, Brunei, Mông Cổ, Quần đảo Cook, Fiji, Ấn Độ, Quần đảo Marshall, Mauritius, Vanuatu, Samoa, Tonga, Niue, Tajikistan, Palau, Philippines, Singapore, Indonesia, Pakistan
Châu Âu (52 nước)	Albania, Áo, Belarus, Bỉ, Bosnia và Herzegovina, Bulgaria, Croatia, Síp, Cộng hòa Séc, Đan Mạch, Estonia, Phần Lan, Pháp, Georgia, Đức, Malta, Hy Lạp, Hungary, Iceland, Ireland, Ý, Latvia, Litva, Luxembourg, Monaco, Montenegro, Hà Lan, Na Uy, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Nga, Romania, Serbia, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ, Kyrgyzstan, Bắc Macedonia, Ukraine, Vương quốc Anh, Andorra, Armenia, Azerbaijan, Moldova, Liechtenstein, San Marino, Kazakhstan, Uzbekistan, Kosovo
Bắc Mỹ (2 nước)	Hoa Kỳ (bao gồm Guam, Quần đảo Bắc Mariana, Saipan, Puerto Rico), Canada
Trung Nam Mỹ (31 nước)	Argentina, Mexico, Panama, Suriname, Venezuela, Antigua và Barbuda, Bahamas, Barbados, Belize, Colombia, Liên bang Dominica, Cộng hòa Dominica, Ecuador, El Salvador, Grenada, Honduras, Saint Vincent và Grenadines, Peru, Trinidad và Tobago, Saint Lucia, Saint Kitts và Nevis, Costa Rica, Uruguay, Nicaragua, Paraguay, Brazil, Chile, Guatemala, Bolivia, Guyana, Jamaica
Châu Phi (14 nước)	Namibia, Cộng hòa Nam Phi, Liberia, Lesotho, Malawi, Botswana, Burundi, São Tomé và Príncipe, Senegal, Seychelles, Eswatini, Cabo Verde, Tunisia, Rwanda
Trung Đông (5 nước)	Maroc, Bahrain, Ả Rập Xê Út, Oman, Israel

3 **Giấy xác nhận thông tin trường trung cấp nghề tại Trung Quốc**

학교 정보 확인서 学校信息确认书

유학생 인적사항 留学生 个人信息	성명 姓名		생년월일 出生日期	
	국적 国籍		여권번호 护照号码	
	진학 예정 대학 拟入学大学名称		전공명 专业名称	
	전화번호 联系电话		e-mail 电子邮箱	
학교정보 学校信息	졸업학교명 (졸업일) 毕业学校名称 (毕业日期)	(졸업일 毕业日期 : 2022. . .)		
	학교유형 学校类型	보통중등전문학교 普通中专 () 성인중등전문학교 成人中专 ()	직업고등학교 职业高中 () 기타 其他 ()	
	교육과정 教育种类	고등학교 학력과정 高中阶段学历教育 () 고등학교 비학력과정 高中阶段非学历教育 () ※ 비학력 과정의 경우 유학비자 발급 불가 非学历教育学生不能获得韩国留学签证		
	소재지 学校地址			
	전화번호 学校电话			
	홈페이지 学校官网			
교직원 연락정보 教职工 联系信息	소속 및 직위 所属部门及职位			
	성명 姓名	(인 또는 서명) (盖章或签名)	전화번호 联系电话	

본인은 상기 학교 정보 등 기재 내용이 사실과 다름없음을 서약하며, 허위 사실 기재 시 대한민국 법령에 따라 처벌받을 수 있음을 확인합니다.
本人保证，以上所填写的学校信息等内容均属实。本人理解，以上信息如有虚假，可能会受到韩国相关法律法规的处罚。特此确认。

20 . . .
유학생 본인 留学生本人(서명 签名)

* 2부 작성 후 교육기관 및 재외공관에 각각 제출
本确认书需要一式两份。一份交拟入学大学，一份交韩国驻外使领馆。

4 Địa chỉ website và số điện thoại của từng khoa

가. Cơ sở Daegu

Khối ngành	Khoa(chuyên ngành)		Địa chỉ website	Số điện thoại (053-950-)
Nhân văn	Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc		https://korean.knu.ac.kr	5106
	Ngôn ngữ và văn học Anh		https://english.knu.ac.kr	5120
	Sử học		https://khistory.knu.ac.kr	5135
	Triết học		https://philosophy.knu.ac.kr	5148
	Ngôn ngữ và văn học Pháp		https://france.knu.ac.kr	5159
	Ngôn ngữ và văn học Đức		https://german.knu.ac.kr	5169
	Ngôn ngữ và văn học Trung Quốc		https://chinese.knu.ac.kr	5178
	Khảo cổ và nhân học		https://aran.knu.ac.kr	5186
	Ngôn ngữ và văn học Nhật Bản		https://japan.knu.ac.kr	6150
	Hán văn		https://hanmun.knu.ac.kr	6160
	Ngôn ngữ và văn học Nga		https://knurussian.knu.ac.kr	6170
Khoa học xã hội	Chính trị ngoại giao		https://politics.knu.ac.kr	5206
	Xã hội học		https://socio.knu.ac.kr	5218
	Địa lí học		https://geog.knu.ac.kr	5227
	Tâm lí học		https://psy.knu.ac.kr	5244
	Thông tin thư viện		https://lis.knu.ac.kr	5236
	Phúc lợi xã hội		https://knusw.knu.ac.kr	5251
	Truyền thông đa phương tiện		https://mediacomm.knu.ac.kr	5259
Khoa học tự nhiên	Toán học		https://math.knu.ac.kr	5306
	Vật lí học		https://physics.knu.ac.kr/	5316
	Hóa học		https://chem.knu.ac.kr	5329
	Công nghệ sinh học		https://biotech.knu.ac.kr	5372
	Sinh học		https://bio.knu.ac.kr	5342
	Hệ thốngđịa cầu	Chuyên ngành Địa chất học	https://geology.knu.ac.kr	5354
		Chuyên ngành Thiên văn khí quyển học	https://hanl.knu.ac.kr	6360
		Chuyên ngành Hải dương học	https://ocean.knu.ac.kr	5396
	Thống kê		https://stat.knu.ac.kr	5364
Kinh tế & Kinh doanh	Kinh tế thương mại		https://econ.knu.ac.kr	5406, 5407
	Quản trị kinh doanh		https://biz.knu.ac.kr	5439, 5417
Kỹ thuật	Kỹ thuật vật liệu kim loại		https://metal.knu.ac.kr	5559
	Kỹ thuật vật liệu mới		http://mse.knu.ac.kr	5631
	Kỹ thuật cơ khí		https://me.knu.ac.kr	5568, 5569
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng		https://ce.knu.ac.kr	5581, 5615
	Khoa hóa học ứng dụng		https://appchem.knu.ac.kr	5581
	Khoa kỹ thuật hóa học		https://cheme.knu.ac.kr	5615
	Khoa kiến trúc		https://arch.knu.ac.kr	5590
	Kỹ thuật xây dựng		https://civil.knu.ac.kr	5623
	Kỹ thuật vật liệu phân tử cao (Polyme)		https://polymer.knu.ac.kr	5607
	Kỹ thuật hệ thống dệt may		https://textile-eng.knu.ac.kr	5638
	Kỹ thuật môi trường		https://env.knu.ac.kr	6580
	Kỹ thuật năng lượng		https://energy.knu.ac.kr	8970
IT	Kỹ thuật điện tử		https://see.knu.ac.kr	5506
	Kỹ thuật điện tử (Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo)		https://seeai.knu.ac.kr	6531
	Kỹ thuật điện		https://electric.knu.ac.kr	5600

Khối ngành	Khoa(chuyên ngành)		Địa chỉ website	Số điện thoại (053-950-)
Khoa học nông nghiệp & Đời sống	Khoa sinh học ứng dụng	Chuyên ngành Hóa học sinh học môi trường	https://kac.knu.ac.kr	5714
		Chuyên ngành Khoa học sinh học thực vật	https://pbs.knu.ac.kr	5706
	Bảo vệ thực vật		https://plantmed.knu.ac.kr	5758
	Công nghệ thực phẩm	Chuyên ngành Công nghệ sinh học thực phẩm	https://foodbio.knu.ac.kr	5772
		Chuyên ngành Kỹ thuật nguyên liệu thực phẩm		5750
		Chuyên ngành Kỹ thuật ứng dụng thực phẩm		7761
	Khoa học lâm nghiệp và cảnh quan	Chuyên ngành Lâm học	https://forestry.knu.ac.kr	5744
		Chuyên ngành Kỹ thuật vật liệu lâm nghiệp	https://wood.knu.ac.kr	5795
		Chuyên ngành Cảnh quan	https://land.knu.ac.kr	5779
	Kỹ thuật làm vườn		https://horti.knu.ac.kr	5721
	Kỹ thuật xây dựng nông nghiệp		https://acen.knu.ac.kr	5730
	Kỹ thuật cơ khí sinh học thông minh		https://bime.knu.ac.kr	5790
	Kỹ thuật vật liệu sợi sinh học		https://biofiber.knu.ac.kr	5737
	Kính tế tài nguyên thực phẩm		https://frecon.knu.ac.kr	5765
Nghệ thuật	Âm nhạc		https://music.knu.ac.kr	5656
	Âm nhạc truyền thống Hàn Quốc		https://kmusic.knu.ac.kr	5670
	Mỹ thuật		https://arts.knu.ac.kr	5680
	Thiết kế		https://vcd.knu.ac.kr	5694
Sư phạm	Sư phạm lịch sử		https://hisedu.knu.ac.kr	5848
Khoa học đời sống	Giáo dục trẻ em		https://child.knu.ac.kr	6210
	May mặc		https://fashion.knu.ac.kr	6220
	Dinh dưỡng thực phẩm		https://fsnu.knu.ac.kr	6230
AI	Hệ thống trí tuệ nhân tạo		https://ai.knu.ac.kr/	5550, 6370
	Khoa Máy tính		https://computer.knu.ac.kr	
Hành chính	Khoa Hành chính		https://puad.knu.ac.kr	3734
Tự do toàn cầu	Khoa Tự do toàn cầu		Dự kiến mở vào nửa cuối năm 2026	2437

L4. Cơ sở Sangju

Khối ngành	Khoa(chuyên ngành)		Địa chỉ website	Số điện thoại (054-530-)
Môi trường sinh thái	Tài nguyên thực vật		https://scplant.knu.ac.kr	1200
	Bảo tồn sinh thái rừng		https://forest.knu.ac.kr	1240
	Khoa học sinh học côn trùng		https://ento.knu.ac.kr	1210
	Du lịch		https://tour.knu.ac.kr	1380
	Thể chất		https://dols.knu.ac.kr	1430
	Chăn nuôi		https://ani.knu.ac.kr	1220
	Công nghệ sinh học động vật		https://anibiotech.knu.ac.kr	1940
	Ngựa/Động vật đặc thù		https://axt.knu.ac.kr	1950
Khoa học kỹ thuật	Kỹ thuật xây dựng và phòng chống thiên tai		https://disaster.knu.ac.kr	1250
	Kỹ thuật an toàn môi trường		https://ue.knu.ac.kr	1440
	Kỹ thuật cơ khí chính xác		https://pme.knu.ac.kr	1270
	Kỹ thuật ô tô		https://auto.knu.ac.kr	1400
	Kỹ thuật phần mềm		https://se.knu.ac.kr	1450
	Kỹ thuật vật liệu mới Nano		https://knu-amse.knu.ac.kr	1300
	Kỹ thuật hóa học năng lượng		https://ece.knu.ac.kr	1410
	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ ăn uống		https://ffsi.knu.ac.kr	1330
	Hệ thống thông tin định vị		https://lbis.knu.ac.kr	1490
	Kỹ thuật nhà máy thông minh		https://cfse.knu.ac.kr	1480
	Khoa thiết kế dệt may và thời trang	Chuyên ngành Kỹ thuật dệt may	https://textile.knu.ac.kr	1280
		Chuyên ngành Thiết kế thời trang	https://style.knu.ac.kr	1310



NĂM HỌC 2027

**THÔNG TIN TUYỂN
SINH ĐẠI HỌC
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI**